TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐẮK LẮK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/DS - PT
Ngày 13 – 01 – 2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Văn Công Dần.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Ngọc Sâm và ông Nguyễn Duy Thuấn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hương Giang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Thuỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 235/2022/TLPT- DS ngày 02 tháng 11 năm 2022 về việc "Tranh chấp về thừa kế tài sản".

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 53/2022/DS - ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 295/2022/QĐ - PT ngày 01 tháng 12 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 303/2022/QĐ - PT ngày 29 tháng 12 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:*

1. Bà Phạm Thị B; địa chỉ: đường THĐ, Khóm Z, Phường Y, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng; vắng mặt.

2. Bà Phạm Thị A; địa chỉ: Thôn HT, xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị A là bà Đinh Thị VV; địa chỉ: đường NTT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Bà Phạm Thị Bích C (Tên gọi khác: Phạm Thị Bình C); địa chỉ: Thôn Th Đ, xã Nhơn M, thị xã A Nh, tỉnh Bình Định; vắng mặt

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà Phạm Thị B và bà Phạm Thị A:* Ông Nguyễn Tiến AA- Luật sư Văn phòng Luật sư BK thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: đường NTT, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Bị đơn:*

1. Bà Phạm Thị Ngọc D; địa chỉ: Thôn HN, xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt

Người đại diện theo ủy quyền của bà D: Ông Phạm Ngọc E; có mặt.

2. Ông Phạm Ngọc E; địa chỉ: tổ dân phố QT, thị trấn EP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Phạm Thị Ngọc D và ông Phạm Ngọc E: Ông Tạ Quang BB - Luật sư Văn phòng Luật sự THT thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: đường HV, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Phạm Ngọc Đ; địa chỉ: đường BDL, phường NHĐ, quận ST, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

2. Anh Phạm Ngọc Q; địa chỉ: Thôn HN, xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

3. Chị Phạm Thị Ái L; địa chỉ: đường MQ, phường TQ, quận ST, thành phố Đà Nẵng; vắng mặt.

4. Bà Lê Thị H; địa chỉ: Thôn ĐK, xã DR, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

5. Chị Phạm Thị Ngọc I; vắng mặt.

6. Chị Phạm Thị K; vắng mặt.

7. Chị Phạm Thị M; vắng mặt.

8. Anh Phạm Ngọc N; vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn HN, xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk

9. Bà Trần Thị O; địa chỉ: Tổ dân phố QT, thị trấn EP, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

10. Chị Phạm Thị Kiều P; địa chỉ: Tổ XX, khu phố YY, phường LB, thành phố BH, tỉnh Đồng Nai; vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị B và bà Phạm Thị A

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị A là bà Đinh Thị VV trình bày:

Bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị A là con của ông Phạm X (Sinh năm: 1935, tại thành phố Đà Nẵng, chết ngày 16/02/2008) và bà Nguyễn Thị T (sinh năm: 1936 tại thành phố Đà Nẵng, chết ngày 11/12/2013).

Ông Phạm X và bà Nguyễn Thị T sinh được 09 người con, gồm:

1. Ông Phạm Ngọc Đ, sinh năm: 1955

2. Bà Phạm Thị B, sinh năm: 1958

3. Ông Phạm Ngọc U, sinh năm: 1961, chết năm 1981, chết trước khi ông X, bà T chết.

4. Bà Phạm Thị A, sinh năm 1963

5. Ông Phạm Ngọc Q, sinh năm 1965, chết năm 2011.

6. Bà Phạm Thị Ngọc D, sinh năm: 1968

7. Ông Phạm Ngọc R, sinh năm: 1971, chết trước ông X, bà T.

8. Bà Phạm Thị Bình C, sinh năm: 1973

9. Ông Phạm Ngọc E, sinh năm: 1975

Ông X, bà T lập nghiệp tại xã DR (nay thuộc xã QH), huyện CM, tỉnh Đắk Lắk, tạo lập được khối tài sản chung gồm:

+ Thửa đất số 41, tờ bản đồ số 11, diện tích 8.900m^2, đất trồng cà phê.

+ Thửa đất số 96, tờ bản đồ số 12, diện tích 1.530m^2, đất màu.

+ Thửa đất số 101, tờ bản đồ số 12, diện tích 3.100m^2, đất trồng cà phê.

+ Thửa đất số 104, tờ bản đồ số 12, diện tích 2.200m^2, trong đó 400m^2 đất ở và 1.800m^2 đất trồng cà phê. Trên đất có 01 ngôi nhà gỗ lợp tôn có diện tích 78m^2.

Tất cả 04 thửa đất trên tọa lạc tại Thôn 5, xã DR, nay là thôn HN, xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk được Ủy ban nhân dân huyện CM, tỉnh Đắk Lắk cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 019614 ngày 19/12/2001.

Ngoài ra, ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T còn tạo lập được 01 lô đất thuộc thửa số 89, tờ bản đồ số 14, diện tích 16.437,1m^2, đất trồng cà phê tại xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

Năm 2001, khi ông X, bà T còn khỏe mạnh, thời điểm này UBND xã DR, huyện CM thông báo cho các hộ được đăng ký kê khai và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Khi đó, ông Phạm Ngọc E là con út trong gia đình và sống cùng bố mẹ nên ông X, bà T đã đồng ý cho ông Phạm Ngọc E được đi đăng ký kê khai và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 89, tờ bản đồ số 14. Còn ông

X, bà T đăng ký kê khai và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa số 104, 101, 96, tờ bản đồ số 12 và thửa số 41, tờ bản đồ số 11.

Ngày 17/7/2007, ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T đã lập di chúc chung để định đoạt, phân chia tài sản cho các con cháu sau khi ông X, bà T qua đời. Cụ thể, để lại cho các con Phạm Thị B, Phạm Thị A, Phạm Ngọc Q, Phạm Thị Bình C và các cháu nội Phạm Thị Ái L (con của ông Phạm Ngọc U), Phạm Ngọc Q (con của ông Phạm Ngọc Đ) mỗi người được hưởng 1.000m^2 đất trồng cà phê tại thửa số 41, tờ bản đồ số 11.

Riêng bà Phạm Thị Ngọc D được thừa hưởng toàn bộ số đất đai, nhà ở gồm:

+ 2.900m^2 đất trồng cà phê tại thửa số 41, tờ bản đồ số 11

+ 1.530m^2 đất màu tại thửa số 96, tờ bản đồ số 12.

+ 3.100m^2 đất trồng cà phê tại thửa số 101, tờ bản đồ số 12.

+ 2.200m^2 đất khu dân tại thửa số 104, tờ bản đồ số 12, trong đó có 01 ngôi nhà gỗ lợp tôn, diện tích sử dụng 78m^2 (do bà D bị tàn tật).

Đối với ông Phạm Ngọc E, do ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T đã cho đăng ký kê khai cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 89, tờ bản đồ số 12 nên trong Di chúc ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T không chia phần cho ông Phạm Ngọc E nữa.

Giấy di chúc do ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T lập thành 10 bản, được UBND xã QH, huyện CM chứng thực, giao cho mỗi thành viên trong gia đình 01 bản, 01 bản được lưu giữ tại UBND xã QH, huyện CM.

Ngày 16/02/2008, ông Phạm X chết do bệnh. Ngày 11/12/2013, bà Nguyễn Thị T chết do bệnh, già yếu.

Sau khi ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T chết, do bà Phạm Thị Ngọc D bị tàn tật nên các thành viên trong gia đình và có tên trong Di chúc chưa yêu cầu phân chia di sản của ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T để lại mà vẫn để cho bà Phạm Thị Ngọc D quản lý để làm ăn sinh sống.

Năm 2018, khi bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị A đề đạt nguyện vọng muốn chia di sản do ông X, bà T theo di chúc thì bà Phạm Thị Ngọc D không chấp nhận phân chia và muốn giành hết toàn bộ di sản trên.

Để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho người đã được chỉ dịnh hưởng di sản thừa kế theo di chúc, nay bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị A khởi kiện đề nghị Tòa án phân chia di sản thừa kế của ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T theo di chúc. Cụ thể, chia cho bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị A mỗi người được hưởng 1.000m^2 đất trồng cà phê thuộc thửa số 41, tờ bản đồ số 11, tại thôn HN, xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 28/6/2018, bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị A có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với thửa đất số 114, tờ bản đồ số 21 diện tích 5.500m^2 trong đó có 400m^2 đất ở và thửa đất số 115, tờ bản đồ số 21, diện tích 10.000m^2 thuộc xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị Bích C trình bày:

Về tài sản do ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T tạo lập, mối quan hệ trong gia đình ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T thì bà Thủy trình bày giống với phần trình bày của bà Đinh Thị V là người đại diện của bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị A.

Về vấn đề yêu cầu Tòa án giải quyết, để đảm bảo quyền lợi của bà Th, bà Th đề nghị Tòa án phân chia di sản của ông X, bà T theo di chúc, cụ thể chia cho bà Th được hưởng 1.000m^2 đất trồng cà phê thuộc thửa số 41, tờ bản đồ số 11, tại thôn HN, xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 28/6/2018, bà Phạm Thị Bích C có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án giải quyết chia thừa kế theo quy định pháp luật đối với thửa đất số 114, tờ bản đồ số 21 diện tích 5.500m^2 trong đó có 400m^2 đất ở và thửa đất số 115, tờ bản đồ số 21, diện tích 10.000m^2 thuộc xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk.

Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn ông Phạm Ngọc E trình bày:

Cha của ông Phạm Ngọc E là ông Phạm X. Năm 2008, ông Phạm X qua đời. Mẹ của ông Phạm Ngọc E là bà Nguyễn Thị T. Năm 2013, bà T qua đời. Trong thời gian còn sống, ông X mắc bệnh ung thư phổi, bà T mắc bệnh tim phải thường xuyên nằm viện, trong thời gian mắc bệnh, Ông E là người thường xuyên đi nuôi mẹ. Cha mẹ của Ông E sinh được 09 người con và thống nhất như các nguyên đơn đã trình bày.

Ngày 25/12/1978, gia đình Ông E đi kinh tế mới từ Quận KK, Đà Nẵng chuyển đến Buôn ZZ, Lâm trường CM, nay là thôn HN, xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk. Còn anh chị lần lượt lập gia đình. Đến cuối năm 1992, thi gia đình ông còn lại 04 người. Cha mẹ Ông E, bà D và Ông E, thời điểm này mẹ Ông E mắc bệnh hiểm nghèo.

Ngày 19/11/2001, nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 019614 có diện tích 15.730m^2 cho hộ Phạm X gồm có 04 khẩu là Phạm X, Nguyễn Thị T, Phạm Thị Ngọc D và Phạm Ngọc E. Tổng số thửa đất là 04 thửa.

+ Thửa đất số 101, diện tích 1.530m^2.

+ Thửa đất số 96, diện tích 3.100m^2 khai hoang từ năm 1978 đến đầu năm 1979.

+ Thửa đất số 103, diện tích 2.200m^2, khai hoang năm 1992

+ Thửa đất số 41, diện tích 8.900m^2 trước đây là đất của Lâm trường CM. Năm 1993, Lâm trường giải thể nên bỏ hoang lô đất nay. Năm 1994, Ông E là lao động

chính khai hoang ra lô đất trên. Ngoài 04 thửa đất trên, còn có 04 sào ruộng nước tại đầm voi và đã bán vào năm 2006.

Ông E là con trai út, cha mẹ già yếu, bị bệnh hiểm nghèo, chị tàn tật, còn những anh chi khác đã ở riêng nên ông E là lao động chính góp công nhiều nhất vào việc tạo lập ra khối tài sản chung của hộ gia đình. Tài sản trên đất là do phần lớn công sức của ông E tạo lập. Sau khi được nhận phần tài sản trên thì ông E tặng lại cho bà Phạm Thị Ngọc D để duy trì cuộc sống.

Đối với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn thì ý kiến của ông E không đồng ý chia toàn bộ quyền sử dụng đất theo như di chúc của ông X, bà T mà chỉ đồng ý chia 50% diện tích đất. Về ý kiến của ông E đối với việc yêu cầu chia di sản thừa kế thì ông E yêu cầu được hưởng 25% trên tổng diện tích đất.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị A, bà Phạm Thị Bình C yêu cầu chia di sản thửa kế của ông X, bà T là thửa đất số 114, tờ bản đồ số 21, diện tích 5.500m^2, trong đó có 400m^2 đất ở và thửa đất số 115, tờ bản đồ số 21, diện tích 10.000m^2 thuộc xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk, được Ủy ban nhân dân huyện CM cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 019059 ngày 19/12/2001 cho hộ ông Phạm Ngọc E thì ý kiến của ông E là không đồng ý.

Ông E cho rằng từ năm 1993 đến năm 1999, ngoài việc làm kinh tế gia đình tại thôn HN, xã QH, cá nhân ông có khai hoang được thửa đất có diện tích là 15.500m^2, đã được chính quyền địa phương công nhận vào ngày 07/10/2001. Đến ngày 19/12/2001, nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 019059, diện tích 15.500m^2 cho ông với số nhân khẩu được cấp là 01 khẩu. Thửa đất trên ông quản lý, canh tác và sử dụng từ đó cho đến nay. Ông khẳng định thửa đất là tài sản của cá nhân ông, không liên quan đến ông bà Phạm X và những người khác trong gia đình. Hiện nay 02 thửa đất đã được cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, cụ thể: Thửa đất số 114, tờ bản đồ số 14, diện tích 10.310,4m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 230941 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 23/7/2018 cho hộ ông Phạm Ngọc E; Thửa đất số 89, tờ bản đồ số 14, diện tích 5.161,4m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CM 230940 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 23/7/2018 cho hộ ông Phạm Ngọc E.

**** Quá trình tham gia tố tụng, bị đơn bà Phạm Thị Ngọc D trình bày:*** Bà là con của ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T, về các người con và cháu của ông X, bà T thì bà thống nhất với phần trình bày của nguyên đơn. Năm 1978, ông X, bà T cùng các con từ Quảng Nam lên Đắk Lắk đi kinh tế mới. Khi đến xã DR được Nhà nước chia cho khoảng 500m^2 đất, còn lại ông bà và các anh chị em trong gia đình tiến hành phát

hoang. Phần diện tích đất này được kê khai cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Phạm X. Phần diện tích đất này khi ông X, bà T còn sống, em trai út là Phạm Ngọc E đang sống cùng cha mẹ đã trồng tiêu, cà phê trên diện tích đất này. Căn nhà gỗ hiện tại bà D đang ở là nhà trước đây khi ông X, bà T còn sống đã tạo lập nên. Toàn bộ tài sản này hiện nay do bà D trực tiếp quản lý.

Đối với Giấy di chúc do ông X, bà T lập ngày 17/7/2007 có xác nhận của UBND xã QH thì bà D không đồng ý với bản di chúc này. Bà D sống cùng ông X, bà T nên khi chết thì bà D là người trực tiếp đứng ra mai táng cho ông X, bà T, chi phí cụ thể thì bà D không nhớ.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà D không đồng ý, bà D có ý kiến xin được hưởng 1/4 tổng diện tích đất là 3.932,5m^2.

**** Quá trình tham gia tố tụng, ông Phạm Ngọc Đ trình bày:*** Ông là con của ông Phạm X (đã chết) và bà Nguyễn Thị T (đã chết). Ông X, bà T có các người con là Phạm Ngọc Đ (SN: 1955); Phạm Thị B (SN: 1958); Phạm Ngọc U (chết); Phạm Thị A (SN: 1963), Phạm Ngọc Q (chết); Phạm Thị Ngọc D (SN: 1968); Phạm Ngọc R (chết); Phạm Thị Bình C (SN: 1973) và Phạm Ngọc E (SN: 1975).

Ba mẹ ông chết để lại di chúc hay không thì ông không được biết. Theo ông thì không có bản di chúc nào cả vì nếu có thì ông là con trai đầu phải biết. Còn tài sản cha mẹ ông để lại thì ông không nắm rõ. Về nội dung trong giấy di chúc mà bà B giao nộp cho Tòa án thì ông không đồng ý vì thực tế không rõ bản di chúc này có đúng sự thật hay không.

Đối với 15.500m^2 đất đăng ký kê khai đứng tên của hộ ông Phạm Ngọc E. Hiện nay do Ông E đang quản lý, đồng nguyên đơn đề nghị Tòa án chia theo pháp luật thì ông không đồng ý vì ông được biết tài sản này không phải của ba mẹ ông mà là của Ông E tự khai hoang nên việc hộ Ông E đứng tên quản lý là đúng.

**** Quá trình tham gia tố tụng, bà Trần Thị O trình bày:*** Năm 2005, bà kết hôn với ông Phạm Ngọc E. Từ khi kết hôn đến nay, chồng bà là Ông E quản lý, canh tác và sử dụng thửa đất diện tích 15.500m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 019059. Thửa đất này do chồng bà khai hoang từ năm 1993, đến năm 2001 được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với số nhân khẩu là 01 khẩu nên là tài sản riêng của chồng bà trước hôn nhân. Về việc nguyên đơn yêu cầu chia thửa đất thì bà không đồng ý phân chia theo yêu cầu của các nguyên đơn.

**** Quá trình tham gia tố tụng, bà Lê Thị H trình bày:*** Bà là vợ của ông Phạm Ngọc Q, là con dâu của ông Phạm X và bà Nguyễn Thị T. Ông Phạm Ngọc Q chết vào năm 2011, chết sau ông Phạm X và chết trước bà Nguyễn Thị T. Ông Q chết không để lại di chúc, khi còn sống, ông Q không biết gì về di chúc của ông X, bà T do đó cũng không đề cập gì đến di sản được thửa hưởng của ông X, bà T. Bà và ông Q có 04

người con là Phạm Thị Ngọc I (Sinh năm: 1986); Phạm Thị K (Sinh năm: 1989); Phạm Thị M (Sinh năm: 1991) và Phạm Ngọc N (Sinh năm: 1994). Ông Phạm Ngọc E là con út của ông X, bà T sống chung với ba mẹ, đến năm 2005 thì lấy vợ. Trong quá trình chung sống với ba mẹ thì ông E là lao động chính và đã tự khai hoang được một số đất và sau này ông E đã đăng ký kê khai được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Diên tích đất này là của riêng ông E và không liên quan đến tài sản của ông X, bà T. Đối với phần yêu cầu phân chia di sản theo di chúc ông Phạm Ngọc Q đã được chia 01 sào, bà H xin nhận, còn việc sử dụng như thế nào do mẹ con bà H quyết định. Đối với yêu cầu phân chia di sản theo pháp luật bà H không có ý kiến gì.

**** Quá trình tham gia tố tụng, anh Phạm Ngọc N trình bày:*** Tôi là con ông Phạm Ngọc Q, cháu nội của ông Phạm X và bà Nguyễn Thị T. Trước khi ông nội mất có để lại di chúc cho bố 1.000m^{-2}, giờ bố mất năm 2011, anh muốn nhận phần di chúc đó. Hiện nay anh làm ăn xa nên xin được vắng mặt.

**** Quá trình tham gia tố tụng, anh Phạm Ngọc Q trình bày:*** Anh Q là cháu nội của ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T. Trong di chúc ông, bà có cho anh Q 1.000m^2 đất trồng cà phê anh Q xin nhận và để cho cô là bà Phạm Thị Ngọc D vì bà D tàn tật, đau ốm mắc nhiều bệnh, cho bà D làm đến cuối đời, khi nào chết đi thì anh Q nhận lại 1.000m^2 để canh tác.

**** Quá trình tham gia tố tụng, chị Phạm Thị Kiều P trình bày:*** Chị là con của ông Phạm Ngọc R và bà Nguyễn Thị V, là cháu nội của ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T. Ông Phạm Ngọc R chết năm 1994, chết trước ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T. Nay các nguyên đơn bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị A, bà Phạm Thị Bình C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết phân chia di sản thửa kế do ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T để lại thì chị đồng ý với ý kiến trình bày của các nguyên đơn. Trong trường hợp chị được nhận thừa kế do ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T để lại theo quy định của pháp luật thì chị đồng ý nhận và đề nghị Tòa án phân chia cho chị bằng tiền. Chị đồng ý với kết quả xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản do Tòa án tiến hành. Chị không yêu cầu Tòa án thẩm định, định giá lại tài sản. Do bận công việc và ở xa nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cư M'gar và Tòa án các cấp có thẩm quyền giải quyết và xét xử vắng mặt chị.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/DS - ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 33; điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 147; khoản 2 Điều 157, khoản 2 Điều 165, khoản 2 Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 646, Điều 647, Điều 649, Điều 650, Điều 652, Điều 653, Điều 657, Điều 663, Điều 667, Điều 668, Điều 675, Điều 676, Điều 677 Bộ luật Dân sự năm 2005;

- Khoản 2 Điều 26 Điều đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị A, bà Phạm Thị Bích C về việc yêu cầu chia di sản thừa kế do ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T để lại:

Tuyên bố Di chúc lập ngày 17/7/2007 của ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk vô hiệu một phần.

**** Đối với thửa đất số 41, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 019614 do Ủy ban nhân dân huyện CM, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/12/2001 cho hộ ông Phạm X:***

+ ***Bà Phạm Thị B*** được quyền sử dụng phần đất hình tam giác diện tích 531m^2:

Phía Đông giáp đường đất cạnh dài 45,88m

Phía Tây giáp đường đất cạnh dài 38,95m

Phía Nam giáp phần đất chia cho bà Phạm Thị A cạnh dài 27,34m

Bà Phạm Thị B phải thanh toán lại cho bà Phạm Thị Ngọc D trị giá tài sản trên đất là 2.326.765đồng.

+ ***Bà Phạm Thị A*** được quyền sử dụng phần đất hình tứ giác diện tích 531m^2:

Phía Đông giáp đường đất cạnh dài 9,60m + 8,99m

Phía Tây giáp đường đất cạnh dài 16,26m

Phía Nam giáp phần đất chia cho bà Phạm Thị Bích C cạnh dài 37,60m

Phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Phạm Thị B cạnh dài 27,34m

Bà Phạm Thị A phải thanh toán lại cho bà Phạm Thị Ngọc D trị giá tài sản trên đất là 2.326.765đồng.

+ ***Bà Phạm Thị Bích C*** được quyền sử dụng hình tứ giác diện tích 531m^2:

Phía Đông giáp đường đất cạnh dài 14,32m

Phía Tây giáp đường đất cạnh dài 12,92m

Phía Nam giáp phần đất chia cho chị Phạm Thị Ái L cạnh dài 44,82m

Phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Phạm Thị A cạnh dài 37,60m

Bà Phạm Thị Bích C phải thanh toán lại cho bà Phạm Thị Ngọc D trị giá tài sản trên đất là 2.326.765đồng.

+ ***Chị Phạm Thị Ái L*** được quyền sử dụng phần đất hình tứ giác diện tích 531m^2:

Phía Đông giáp đường đất cạnh dài 12,32m

Phía Tây giáp đường đất cạnh dài 11,12m

Phía Nam giáp phần đất chia cho anh Phạm Ngọc Q cạnh dài 51,05m

Phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Phạm Thị Bích C cạnh dài 44,82m

Chị Phạm Thị Ái L phải thanh toán lại cho bà Phạm Thị Ngọc D trị giá tương ứng tài sản trên đất là 2.326.765đồng.

+ ***Anh Phạm Ngọc Q*** được quyền sử dụng phần đất hình tứ giác diện tích 531m^2:

Phía Đông giáp đường đất cạnh dài 10,98m

Phía Tây giáp đường đất cạnh dài 9,89m

Phía Nam giáp phần đất chia cho bà Lê Thị H, chị Phạm Thị Ngọc I, chị Phạm Thị K, chị Phạm Thị M, anh Phạm Ngọc N cạnh dài 56,59m

Phía Bắc giáp phần đất chia cho chị Phạm Thị Ái L cạnh dài 51,05m

Anh Phạm Ngọc Q phải thanh toán lại cho bà Phạm Thị Ngọc D trị giá tài sản trên đất là 2.326.765đồng.

+ ***Bà Lê Thị H, chị Phạm Thị Ngọc I, chị Phạm Thị K, chị Phạm Thị M, anh Phạm Ngọc N*** được quyền sử dụng chung phần đất hình tứ giác diện tích 531m^2:

Phía Đông giáp đường đất cạnh dài 2,14m + 7,87m

Phía Tây giáp đường đất cạnh dài 9,01m

Phía Nam giáp phần đất chia cho ông Phạm Ngọc E cạnh dài 61,70m

Phía Bắc giáp phần đất chia cho anh Phạm Ngọc Q cạnh dài 56,59m

Bà Lê Thị H, chị Phạm Thị Ngọc I, chị Phạm Thị K, chị Phạm Thị M, anh Phạm Ngọc N phải liên đới thanh toán lại cho bà Phạm Thị Ngọc D trị giá tài sản trên đất là 2.326.765đồng.

+ *Ông Phạm Ngọc E* được quyền sử dụng phần đất hình tứ giác diện tích 2.362,1m^2:

Phía Đông giáp đường đất cạnh dài 37,04m

Phía Tây giáp đường đất cạnh dài 33,25m

Phía Nam giáp phần đất chia cho bà Phạm Thị Ngọc D cạnh dài 80,68m

Phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Lê Thị H, chị Phạm Thị Ngọc I, chị Phạm Thị K, chị Phạm Thị M, anh Phạm Ngọc N cạnh dài 61,70m

Ông Phạm Ngọc E phải thanh toán lại cho bà Phạm Thị Ngọc D trị giá tương ứng tài sản trên đất là 10.354.064đồng.

+ *Bà Phạm Thị Ngọc D* được quyền sử dụng phần đất hình tứ giác diện tích 3.901,6m^2:

Phía Đông giáp đường đất cạnh dài 46,55m

Phía Tây giáp đường đất cạnh dài 40,12m

Phía Nam giáp đường đất cạnh dài 62,25m + 43,38m

Phía Bắc giáp phần đất chia cho ông Phạm Ngọc E cạnh dài 80,68m

Có sơ đồ kèm theo.

*** Đối với thửa đất số 104, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk**

+ *Bà Phạm Thị Ngọc D* được quyền sử dụng phần đất hình tứ giác diện tích 1.803,3m^2:

Phía Đông giáp đường đất cạnh dài 39,36m

Phía Tây giáp thửa đất số 103 cạnh dài 42,10m

Phía Nam giáp thửa đất số 106 cạnh dài 42,29m

Phía Bắc giáp phần đất chia cho ông Phạm Ngọc E cạnh dài 46,57m

Trên đất có 01 nhà ở diện tích 61,2m^2, khung gỗ, mái lợp tôn, sàn lát gỗ, nhà bếp diện tích 26,66m^2, khung gỗ, mái lợp tôn, nền lát gỗ, nhà vệ sinh diện tích 5,6m^2 đều thuộc quyền sở hữu của bà Phạm Thị Ngọc D.

+ *Ông Phạm Ngọc E* được quyền sử dụng phần đất hình tứ giác diện tích 600,6m^2:

Phía Đông giáp đường đất cạnh dài 12,72m

Phía Tây giáp thửa đất số 103 cạnh dài 12,83m

Phía Nam giáp phần đất chia cho bà Phạm Thị Ngọc D cạnh dài 46,57m

Phía Bắc giáp đường đất cạnh dài 47.88m

Ông Phạm Ngọc E phải thanh toán lại cho bà Phạm Thị Ngọc D trị giá tài sản trên đất là 68.250.000đồng.

Có sơ đồ kèm theo.

**** Đối với thửa đất số 96, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 019614 do Ủy ban nhân dân huyện CM, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/12/2001 cho hộ ông Phạm X:***

+ *Bà Phạm Thị Ngọc D* được quyền sử dụng phần đất hình tứ giác diện tích 1.409,7m^2:

Phía Đông giáp đường đất cạnh dài 39,22m

Phía Tây giáp thửa đất số 95 cạnh dài 9.87m + 8,78m + 18,02m + 13,06m + 10,23m

Phía Nam giáp phần đất chia cho ông Phạm Ngọc E cạnh dài 28,50m

Phía Bắc giáp đường đất cạnh dài 31,61m

+ *Ông Phạm Ngọc E* được quyền sử dụng phần đất hình tứ giác diện tích 470,0m^2:

Phía Đông giáp đường đất cạnh dài 16,74m

Phía Tây giáp thửa đất số 95 cạnh dài 16,80m

Phía Nam giáp thửa số 101 cạnh dài 27,83m

Phía Bắc giáp phần đất chia cho bà Phạm Thị Ngọc D cạnh dài 28,50m

Có sơ đồ kèm theo.

**** Đối với thửa đất số 101, tờ bản đồ số 12, tọa lạc tại xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 019614 do Ủy ban nhân dân huyện CM, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 19/12/2001 cho hộ ông Phạm X:***

+ *Bà Phạm Thị Ngọc D* được quyền sử dụng phần đất hình tứ giác diện tích 2.767,9m^2:

Phía Đông giáp đường đất cạnh dài 85,96m

Phía Tây giáp thửa đất số 100 cạnh dài 84,63m

Phía Bắc giáp phần đất chia cho ông Phạm Ngọc E cạnh dài 28,87m

Phía Nam giáp đường đất cạnh dài 35,16m

+ *Ông Phạm Ngọc E* được quyền sử dụng phần đất hình tứ giác diện tích 922,9m^2:

Phía Đông giáp đường đất cạnh dài 32,72m

Phía Tây giáp thửa đất số 95 và thửa số 100 cạnh dài 9,36m + 23,29m

Phía Nam giáp phần đất chia cho bà Phạm Thị Ngọc D cạnh dài 28,87m

Phía Bắc giáp thửa đất số 96 cạnh dài 27,83m

Ông Phạm Ngọc E phải thanh toán lại cho bà Phạm Thị Ngọc D trị giá tương ứng tài sản trên 02 thửa đất số 96 và 101 là 45.609.325đồng.

(Có sơ đồ kèm theo)

Các đương sự có quyền tự liên hệ cơ quan nhà nước có thẩm quyền để tiến hành thủ tục tách thửa, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật đối với quyền sử dụng đất thửa đất số 114, tờ bản đồ số 21, diện tích 5.500m^2 và quyền sử dụng đất thửa đất số 115, tờ bản đồ số 21, diện tích 10.000m^2 thuộc xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk được Ủy ban nhân dân huyện CM cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số U 019059 ngày 19/12/2001 cho hộ ông Phạm Ngọc E.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/9/2022, nguyên đơn bà Phạm Thị B và bà Phạm Thị A có đơn kháng cáo với nội dung: Toà án cấp sơ thẩm chưa xem xét, đánh giá chứng cứ một cách khách quan, toàn diện, làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Đề nghị Toà án cấp phúc thẩm xét xử lại lại vụ án theo hướng sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện và đơn kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Luật sư Nguyễn Tiến AA trình bày: Đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại các thửa số 41, tờ bản đồ số 11; thửa 96, thửa 101, thửa 104 cùng tờ bản đồ số 12 toạ lạc tại xã QH, huyện CM đã được UBND huyện CM cấp GCNQSD đất số U 019614 ngày 19/12/2001 đề nghị hội đồng xét xử chia theo di chúc lập ngày 17/7/2007 của ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk. Đối với thửa đất số 114, tờ bản đồ số 21 diện tích 5.500m^2 trong đó có 400m^2 đất ở và thửa đất số 115, tờ bản đồ số 21, diện tích 10.000m^2 thì tại thời điểm ông Phạm Ngọc E được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất năm 2001 thì cấp cho hộ ông Phạm Ngọc E gồm có 04 khẩu là ông X, bà T, Ông E, bà D. Do đó nên ông X,

bà T cũng có 1/2 quyền sở hữu trong khối tài sản chung trên. Do đó, đề nghị HĐXX xem xét chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn, xác định một phần thửa đất số 114, 115 tờ bản đồ số 21 là di sản thừa kế của bà Nguyễn Thị T và ông Phạm X để phân chia theo quy định của pháp luật.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn Luật sư Tạ Quang BB trình bày: Đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại các thửa số 41, tờ bản đồ số 11; thửa 96, thửa 101, thửa 104 cùng tờ bản đồ số 12 toạ lạc tại xã QH, huyện CM đã được UBND huyện CM cấp GCNQSD đất số U 019614 ngày 19/12/2001, Tòa án cấp sơ thẩm tuyên di chúc lập ngày 17/7/2007 của ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk vô hiệu một phần là có căn cứ. Đối với thửa đất số 114, tờ bản đồ số 21 diện tích 5.500m^2 trong đó có 400m^2 đất ở và thửa đất số 115, tờ bản đồ số 21, diện tích 10.000m^2 thì tại tờ khai cấp đất của ông Phạm Ngọc Hoà đối với thửa đất 114, thửa đất 115 tờ bản đồ số 21 có xác nhận của chính quyền địa phương xác định ông Phạm Ngọc E được cấp là hộ 01 khẩu chỉ có một mình Ông E, từ trước đến nay sau khi được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cũng không có ai thắc mắc, khiếu nại gì. Do đó, không có căn cứ để chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Các đương sự trong vụ án và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua phân tích đánh giá các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tranh tụng tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 308, Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự, chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà B và bà A, Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/DSST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Cư M"gar, tỉnh Đắk Lắk. Giao hồ sơ vụ án cho cho Toà án nhân dân huyện CưM'gar giải quyết lại vụ án từ giai đoạn sơ thẩm theo thủ tục chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thu thập có trong hồ sơ vụ án, kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, ý kiến của các Luật sư, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của bà Phạm Thị B và Phạm Thị A nộp trong thời hạn luật định, bà B là người cao tuổi đã có đơn xin miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm, bà A đã nộp tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm nên hợp lệ.

[2]. Xét nội dung đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị B và bà Phạm Thị A, HĐXX nhận định như sau:

[2.1]. Đối với tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất tại các thửa số 41, tờ bản đồ số 11; thửa 96, thửa 101, thửa 104 cùng tờ bản đồ số 12 toạ lạc tại xã QH, huyện CưM'gar đã được UBND huyện CM cấp GCNQSD đất số U 019614 ngày 19/12/2001. Xét thấy, tại Đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất của ông Phạm X đề ngày 15/10/1999 được UBND xã DR và Phòng Nông nghiệp Địa chính huyện CM thể hiện thời điểm hộ ông Phạm X được nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì hộ khẩu gồm 04 người gồm có ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T, bà Phạm Thị Ngọc D, ông Phạm Ngọc E. Tòa án cấp sơ thẩm tuyên di chúc lập ngày 17/7/2007 của ông Phạm X, bà Nguyễn Thị T được chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã QH, huyện CM, tỉnh Đắk Lắk vô hiệu một phần là có căn cứ. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm xác định di sản thừa kế của ông Phạm X và bà Nguyễn Thị T là ½ giá trị khối tài sản nói trên để chia di sản thừa kế là có căn cứ, đúng pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án cấp sơ thẩm đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối và tiến hành định giá tài sản đối với 04 thửa đất nói trên, kết quả thể hiện trên đất còn có các tài sản như nhà ở, giếng nước, các cây trồng như cà phê, tiêu, điều…. Lẽ ra khi phân chia di sản thừa kế là quyền sử dụng đất, Toà án cấp sơ thẩm phải xác định trên diện tích mà các đương sự được giao quyền sử dụng có những tài sản cụ thể nào? Chất lượng từng loại tài sản? giá trị là bao nhiêu? để buộc những người được phân chia quyền sử dụng đất có nghĩa vụ thanh toán cho bà D giá trị bằng tiền đối với phần tài sản trên diện tích đất được giao. Nhưng Toà án cấp sơ thẩm chỉ chia về giá trị tính theo phần trăm theo diện tích đất được chia mà không xem xét thửa đất nào có số lượng, chất lượng, giá trị các tài sản cụ thể như nhà ở, giếng nước, cây trồng như cà phê, tiêu, điều…là giải quyết vụ án thiếu căn cứ, chưa triệt để, không cụ thể, không đầy đủ làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự, đồng thời khi thi hành án sẽ không thể thi hành được mà tại cấp phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được.

Do vậy, cần huỷ toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số 53/2022/DS – ST ngày 05/9/2022 của Toà án nhân dân huyện CưM'gar, giao hồ sơ cho Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án từ giai đoạn sơ thẩm theo thủ tục chung.

[2.2]. Do huỷ bản án sơ thẩm nên kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị B, Phạm Thị A đề nghị chia di sản thừa kế là các thửa đất số 114, 115 tờ bản đồ số 21 sẽ được xem xét, giải quyết khi Toà án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án.

[3]. Về án phí và chi phí tố tụng:

[3.1]. Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng: Do hủy toàn bộ bản án sơ thẩm nên chi phí tố tụng và án phí DSST sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[3.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do huỷ bản án sơ thẩm nên bà Phạm Thị B và bà Phạm Thị A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Căn cứ khoản 3 Điều 308, khoản 1 Điều 310 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị B và bà Phạm Thị A.

Huỷ toàn bộ Bản dân sự sơ thẩm số 53/2022/DS - ST ngày 05/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện CưM'gar, tỉnh Đắk Lắk, giao hồ sơ cho Toà án nhân dân huyện CưM'gar giải quyết lại vụ án từ giai đoạn sơ thẩm theo thủ tục chung.

[2]. Về chi phí tố tụng và án phí:

[2.1]. Về chi phí tố tụng và án phí dân sự sơ thẩm: Về chi phí tố tụng và án phí DSST sẽ được quyết định khi vụ án được giải quyết lại theo quy định của pháp luật.

[2.2]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị A không phải chịu án phí DSPT. Bà Phạm Thị A được nhận lại số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0013648 ngày 26/9/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện CM.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TANDCC tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND H. CưM'gar;
- Chi cục THADS H. CM;
- Đăng Cổng TTĐT TANDTC
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Văn Công Dần